



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1A.7.1/TĐTKT-TC

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Năm 2016

(Áp dụng cho các cơ sở thuộc các tổ chức tín dụng; ngân hàng, công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân....)

Tên doanh nghiệp đơn/cơ sở:.....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Địa chỉ:

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh)

Ngành SXKD chính:.....

(VSIC 2007 - Cấp 5)

Tổng số lao động thời điểm 01/01/2016

Trong đó: Nữ

Tổng số lao động thời điểm 31/12/2016

Trong đó: Nữ

--

Người

--

Người

--

Người

--

Người

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2016
A	B	1
A. CÁC KHOẢN THU NHẬP (01=02+03+...+07)	01	
1. Thu nhập từ hoạt động tín dụng	02	
2. Thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ	03	
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	04	
4. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	05	
5. Thu nhập góp vốn, mua cổ phần	06	
6. Thu nhập khác	07	
Trong đó: Thu bất thường	08	
B. CÁC KHOẢN CHI PHÍ (09=10+12+13+14+17+19+27+29+30)	09	
1. Chi phí hoạt động tín dụng	10	
Trong đó: Chi phí khác	11	
2. Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	12	
3. Chi phí mua bán chứng khoán	13	
4. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí (14=15+16)	14	
- Thuế VAT không được khấu trừ, thuế nhập khẩu được tính vào chi phí	15	
- Thuế môn bài, thuế đất, thuế tài nguyên, lệ phí, các chi phí khác coi như thuế, lệ phí	16	
5. Chi phí cho nhân viên	17	
Trong đó: Chi trang phục giao dịch và phương tiện bảo hộ lao động	18	
6. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ	19	
Trong đó: - Chi công tác phí	20	
- Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ	21	
- Chi nghiên cứu và ứng dụng KHCN, sáng kiến, cải tiến	22	
- Chi về hoạt động đoàn thể của tổ chức tín dụng	23	
- Các khoản chi phí quản lý khác (tài khoản 869)	24	
Trong đó: - Chi điện, nước, vệ sinh cơ quan, chi y tế cơ quan	25	
- Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước	26	
7. Chi về tài sản	27	
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	28	
8. Chi phí dự phòng	29	
9. Các khoản chi phí còn lại	30	
Trong đó: Chi phí bất thường	31	
C. CHÊNH LỆCH THU NHẬP VÀ CHI PHÍ (LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ): (32=01-09)	32	

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU

A. Các khoản thu

1. *Thu nhập từ hoạt động tín dụng*: bao gồm các khoản sau: Thu lãi tiền gửi, Thu lãi cho vay, Thu lãi từ đầu tư chứng khoán, Thu lãi cho thuê tài chính và Thu khác về hoạt động tín dụng.

2. *Thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ*: Bao gồm các khoản thu từ dịch vụ thanh toán, thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, thu từ dịch vụ ngân quỹ, thu từ nghiệp vụ uỷ thác và đại lý, thu từ dịch vụ tư vấn, thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm, thu phí nghiệp vụ chiết khấu, thu từ cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ két và thu khác.

3. *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối*: Bao gồm các khoản thu về kinh doanh ngoại tệ, thu về kinh doanh vàng và thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ.

4. *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác*: bao gồm các khoản thu về kinh doanh chứng khoán, thu từ nghiệp vụ mua bán nợ, thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác và thu về hoạt động kinh doanh khác.

5. *Thu nhập góp vốn, mua cổ phần*: là các khoản thu nhập từ việc góp vốn, mua cổ phần của các tổ chức tín dụng khác và các tổ chức kinh tế.

6. *Thu nhập khác*: bao gồm các khoản thu khác của Tổ chức tín dụng ngoài các khoản thu nói trên. Trong đó cần tách riêng thu bất thường, là những khoản thu mà tổ chức tín dụng không dự tính trước hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc những khoản thu không mang tính chất thường xuyên.

B. Các khoản Chi phí

1. *Chi phí hoạt động tín dụng gồm*: bao gồm các khoản sau: Trả lãi tiền gửi, Trả lãi tiền vay, Trả lãi phát hành giấy tờ có giá, Trả lãi tiền thuê tài chính và Chi phí khác.

Trong đó cần tách riêng Chi phí khác: gồm các khoản chi phí trả lãi khác và các khoản chi tương đương trả lãi của Tổ chức tín dụng ngoài các khoản chi lãi nói trên.

2. *Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối*: bao gồm chi về kinh doanh ngoại tệ, chi về kinh doanh vàng và chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ.

3. *Chi phí mua bán chứng khoán*: bao gồm chi phí mua bán chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh.

4. *Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí*: là các khoản chi nộp thuế, phí, lệ phí của tổ chức tín dụng. **Chú ý**: Khoản mục này không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. *Chi phí cho nhân viên*: là tổng các khoản chi trong tài khoản 85.

6. *Chi cho hoạt động quản lý và công vụ*: Là tổng các khoản chi trong tài khoản 86.

Chú ý: Các khoản chi phí quản lý khác (Tài khoản 869) không bao gồm chi về vật liệu và giấy tờ in; chi bưu phí và điện thoại; chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại và chi mua tài liệu, sách báo.

9. *Các khoản chi phí còn lại*: là các khoản chi còn lại chưa được liệt kê ở trên. Trong đó cần tách riêng khoản chi phí bất thường như chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước... nằm trong chi phí khác (tài khoản 89).